

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2017

BẢN GIẢI TRÌNH SỐ LIỆU BCTC QUÝ 4 NĂM 2016

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Tổ chức niêm yết: **Công ty Cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An**

Địa chỉ: Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Mã chứng khoán: **HAH**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh số 0103818809 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/05/2009 và cấp thay đổi lần thứ 08 ngày 05/12/2014.

Chúng tôi xin giải trình số liệu báo cáo tài chính Quý 4 năm nay lợi nhuận sau thuế của Công ty có giảm 20,19% so với cùng kỳ năm ngoái là do:

- Sản lượng hàng qua cảng giảm
- Kết cấu sản lượng thay đổi:
 - + Hàng nội địa tăng
 - + Hàng xuất nhập khẩu giảm, container lạnh giảm.

Chúng tôi cam đoan những thông tin giải trình trong bản này là chính xác và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Mạnh Cường

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2016

Tổng Giám đốc



Tạ Mạnh Cường

Kế toán trưởng



Phạm Thị Hồng Nhung

Hà Nội, tháng 01 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		284.690.278.284	254.326.853.278
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	189.378.258.842	149.754.819.697
1. Tiền	111		41.852.607.212	34.158.984.081
2. Các khoản tương đương tiền	112		147.525.651.630	115.595.835.616
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		83.667.996.386	75.021.485.398
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	80.108.119.047	62.327.916.098
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	432.376.141	1.674.670.341
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	-	2.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	3.409.868.310	9.183.732.571
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(282.367.112)	(164.833.612)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		9.716.231.820	10.282.989.087
1. Hàng tồn kho	141	V.8	9.716.231.820	10.282.989.087
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.927.791.236	19.267.559.096
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	1.924.635.836	816.250.020
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	18.448.153.676
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	3.155.400	3.155.400
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		642.768.044.420	623.983.999.397
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.864.571.143	1.836.908.123
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	1.864.571.143	1.836.908.123
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		536.553.061.886	585.167.342.985
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	533.434.406.207	581.907.401.154
<i>Nguyên giá</i>	222		795.977.298.552	771.093.778.489
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(262.542.892.345)	(189.186.377.335)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	3.118.655.679	3.259.941.831
<i>Nguyên giá</i>	228		4.945.015.236	4.945.015.236
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.826.359.557)	(1.685.073.405)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	23.161.978.675	17.502.407.891
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		23.161.978.675	17.502.407.891
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		48.805.386.500	10.000.866.500
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2	48.804.520.000	10.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	866.500	866.500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		32.383.046.216	9.476.473.898
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	32.383.046.216	9.476.473.898
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		927.458.322.704	878.310.852.675

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		372.369.539.755	370.686.683.742
I. Nợ ngắn hạn	310		172.923.708.404	137.753.043.896
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	50.226.199.820	33.899.264.669
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	604.561.465	383.606.600
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	15.990.207.202	13.968.755.751
4. Phải trả người lao động	314		3.875.329.425	5.126.436.134
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	342.472.664	386.506.838
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	34.658.304.616	24.494.315.863
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	51.684.745.565	48.372.200.394
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	15.541.887.647	11.121.957.647
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		199.445.831.351	232.933.639.846
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	90.604.520.000	90.604.520.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	108.841.311.351	142.329.119.846
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		555.088.782.949	507.624.168.933
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	555.088.782.949	507.624.168.933
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		231.962.320.000	231.962.320.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		231.962.320.000	231.962.320.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		58.788.380.922	58.788.380.922
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(10.359.064.178)	(2.571.030.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		131.730.070.809	82.722.070.809
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		142.967.075.396	136.722.427.202
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		53.340.298.202	136.722.427.202
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		89.626.777.194	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		927.458.322.704	878.310.852.675

Lập, ngày 24 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hảo

Kế toán trưởng



Phạm Thị Hồng Nhung

Tổng Giám đốc



Tạ Mạnh Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

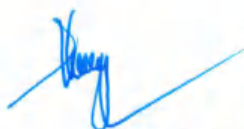
của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
(Dạng đầu đủ)

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

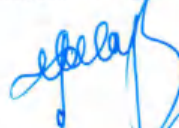
CHỈ TIÊU	Mã số	T. minh	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước	Đơn vị tính: VND	
					Lũy kế từ đầu năm Năm nay	đến cuối kỳ này Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	129.753.033.422	119.368.476.054	417.853.288.627	403.167.694.796
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		129.753.033.422	119.368.476.054	417.853.288.627	403.167.694.796
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	79.478.292.931	53.273.858.949	258.082.018.552	203.763.872.838
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		50.274.740.491	66.094.617.105	159.771.270.075	199.403.821.958
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.527.582.650	3.657.305.874	13.558.405.292	13.155.878.843
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.743.583.593	2.483.674.770	5.995.527.630	12.594.632.906
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.040.381.337	1.599.024.304	3.865.721.819	4.354.678.671
8. Chi phí bán hàng	25					
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	5.390.316.107	7.153.673.291	18.007.690.427	16.933.346.500
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		46.668.423.441	60.114.574.918	149.326.457.310	183.031.721.395
11. Thu nhập khác	31	VI.6	32.500.008	(268.421.680)	1.015.577.943	234.943.021
12. Chi phí khác	32	VI.7	(22.312.088)	1.163.178.450	36.486.047	5.215.846.621
13. Lợi nhuận khác	40		54.812.096	(1.431.600.130)	979.091.896	(4.980.903.600)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		46.723.235.537	58.682.974.788	150.305.549.206	178.050.817.795
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		4.304.254.760	5.533.687.293	14.800.514.012	14.689.591.579
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		42.418.980.777	53.149.287.495	135.505.035.194	163.361.226.216

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng



Phạm Thị Hồng Nhung



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	150.305.549.206	178.050.817.795
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	73.712.878.728	62.126.039.691
- Các khoản dự phòng	03 VI.5	117.533.500	49.450.084
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(707.069.974)	7.632.204.216
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(11.348.157.263)	(7.606.303.250)
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	3.865.721.819	4.354.678.671
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	215.946.456.016	244.606.887.207
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(6.517.939.009)	(3.042.842.623)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	566.757.267	2.661.690.284
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	38.430.066.641	76.303.089.572
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(24.014.958.134)	(7.839.167.402)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(4.038.134.993)	(4.195.965.150)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.15	(25.815.009.824)	(6.891.960.932)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17 V.19	(7.015.070.000)	(4.300.215.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	187.542.167.964	297.301.515.956
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(30.780.808.154)	(153.396.170.847)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	9.178.441	2.090.909.092
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(2.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.000.000.000	5.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(18.804.520.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		3.196.610.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.603.377.209	4.551.924.955
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(39.972.772.504)	(140.556.726.800)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(7.788.034.178)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	16.701.147.000	74.966.208.750
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(48.060.055.984)	(83.193.225.688)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(68.766.987.000)	(69.181.807.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(107.913.930.162)	(77.408.823.938)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	39.655.465.298	79.335.965.218
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	149.754.819.697	70.148.304.209
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(32.026.153)	270.550.270
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	189.378.258.842	149.754.819.697

Lập, ngày 24 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Thanh Hảo

Phạm Thị Hồng Nhung



Tạ Mạnh Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cho thuê bãi, bốc xếp hàng hóa cảng biển, vận tải biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Cảng Hải An	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đĩnh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ cảng biển	100%	100%	100%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An ⁽ⁱ⁾	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đĩnh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	50,5%	54,2%	57,75%

⁽ⁱ⁾ Công ty nắm giữ 50,5% quyền biểu quyết trực tiếp tại Công ty TNHH Vận tải Container Hải An và 7,25% quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Công ty có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là:

- Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ Phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An, địa chỉ tại số 217 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

- Chi nhánh tại Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu - Công ty Cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An, địa chỉ tại Khu A, lô 17 Khu nhà ở Phú Mỹ, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo Công ty có 59 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 27 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: Nguyên vật liệu, hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền từng lần nhập xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀ AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	8-20
Máy móc và thiết bị	5-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5-8

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Hội đồng quản trị có thẩm quyền tạm ứng cổ tức cho cổ đông.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

22. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	405.260.156	129.482.990
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	41.447.347.056	34.029.501.091
Các khoản tương đương tiền	147.525.651.630	115.595.835.616
Cộng	189.378.258.842	149.754.819.697

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty là đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<i>Đầu tư vào công ty con</i>	<i>48.804.520.000</i>	<i>-</i>	<i>48.804.520.000</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>10.000.000.000</i>
Công ty TNHH Cảng Hải An(i)	30.000.000.000	-	30.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (ii)	18.804.520.000	-	18.804.520.000	-	-	-
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	<i>866.500</i>	<i>-</i>	<i>866.500</i>	<i>866.500</i>	<i>-</i>	<i>866.500</i>
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	864.000	-	864.000	864.000	-	864.000
Công ty Cổ phần MHC	2.500	-	2.500	2.500	-	2.500
Cộng	48.805.386.500	-	48.805.386.500	10.000.866.500	-	10.000.866.500

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế lần đầu số 0101126468 ngày 27 tháng 10 năm 2010, thay đổi lần 3 ngày 13 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Hải An là 30.000.000.000 VND. Công ty đã góp đủ 100% vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên số 0201655535 ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải Container Hải An số tiền 101.000.000.000 VND, tương ứng 50,5% vốn điều lệ. Tại kỳ kết thúc báo cáo, số tiền còn phải góp vốn vào Công ty TNHH Vận tải Container Hải An là 82.195.480.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Giao dịch với công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty TNHH Cảng Hải An</i>		
Cung cấp dịch vụ khai thác cảng cho Cảng Hải An	54.945.830.986	25.699.696.732
Cảng Hải An cung cấp dịch vụ khai thác cảng	3.744.780.054	5.992.154.897
Cảng Hải An cung cấp dịch vụ khai thác tàu	30.333.127.560	17.589.884.916
Trả hộ Cảng Hải An chi phí lương, khác		58.000.000
Góp vốn vào Cảng Hải An	20.000.000.000	
Cảng Hải An thanh toán công nợ	12.000.000.000	
Chuyển tiền thanh toán	2.000.000.000	
Cảng Hải An chuyển lãi	3.744.780.054	
<i>Công ty TNHH Vận tải Container Hải An</i>		
Chuyển tiền góp vốn	18.804.520.000	

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	4.490.857.292	2.475.190.356
Công ty Cổ phần Transimex	887.700.000	584.400.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Transimex tại Hà Nội	77.486.000	197.495.000
Công ty Cổ phần Hàng hải Macs	385.000.000	158.700.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hàng hải Macs tại Hải Phòng		14.600.000
Công ty cổ phần Hải Minh	40.000.000	
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	125.287.078	142.358.413
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	379.301.277	1.141.878.593
Công ty TNHH Cảng Hải An	2.596.082.937	-
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An		235.758.350
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	75.617.261.755	59.852.725.742
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương tại Hải Phòng	11.251.438.959	9.377.071.190
Pendulum Express Lines Pte Ltd	10.546.561.098	5.761.835.539
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	6.439.717.256	-
Các khách hàng khác	47.379.544.442	44.713.819.013
Cộng	80.108.119.047	62.327.916.098

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>		
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	432.376.141	1.674.670.341
Công ty Cổ phần Bê tông Vinaconex Phan Vũ		1.364.220.000
Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Bắc	239.222.508	239.222.508
Công ty cổ phần ĐT & Xây dựng Công trình thủy - CIENCO1	3.227.833	
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư công trình Hàng Hải Việt nam	77.349.000	
Trung tâm Quan trắc Môi trường	68.000.000	
Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu	44.576.800	
Các nhà cung cấp khác		71.227.833
Cộng	432.376.141	1.674.670.341

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	2.000.000.000
Cho Công ty TNHH Vận tải Container Hải An vay với lãi suất 4,8%/năm	-	2.000.000.000
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	-
Cộng	-	2.000.000.000

6. Phải thu khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Dự phòng</u>
	<u>Giá trị</u>		<u>Giá trị</u>	
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	1.789.129.891	-	7.742.465.850	-
Công ty TNHH Cảng Hải An - Lợi nhuận	1.789.129.891		7.742.465.850	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.620.738.419	-	1.441.266.721	-
Doanh thu tạm tính chưa xuất hóa đơn			1.142.993.034	
Tiền lãi dự thu	248.860.466		189.435.354	
Ký cược, ký quỹ	1.119.470.005		102.705.000	
Tạm ứng	206.702.100			
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	45.705.848		6.133.333	
Cộng	3.409.868.310	-	9.183.732.571	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.864.571.143	-	1.836.908.123	-
Ký cược, ký quỹ	1.864.571.143	-	1.836.908.123	-
Cộng	1.864.571.143	-	1.836.908.123	-

7. Nợ xấu

	Số cuối kỳ	Số cuối kỳ		Số đầu năm	Số đầu năm	
		Thời gian quá hạn	Giá gốc		Thời gian quá hạn	Giá gốc
			Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các bên liên quan	-	-	-	-	-	-
Các tổ chức và cá nhân khác	-	332.738.612	50.371.500	-	164.833.612	-
Công ty TNHH Vận tài Hưng Thịnh – phải thu cung cấp dịch vụ	3 năm	65.089.486	-	3 năm	65.089.486	-
Công ty TNHH Vận tài Thương mại Hoàng Gia – phải thu cung cấp dịch vụ	3 năm	99.744.126	-	3 năm	99.744.126	-
Công ty TNHH K.N.V	2 năm	167.905.000	50.371.500			
Cộng		332.738.612	50.371.500		164.833.612	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	164.833.612		164.833.612
Trích lập dự phòng bổ sung	125.627.361		125.627.361
Hoàn nhập dự phòng	(8.093.861)		(8.093.861)
Số cuối kỳ	282.367.112	-	282.367.112

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thiết bị, phụ tùng thay thế	53.181.820			
Nguyên liệu, vật liệu	9.663.050.000		10.282.989.087	
Cộng	9.716.231.820	-	10.282.989.087	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm chờ phân bổ	877.637.846	794.857.901
Sửa chữa bãi	796.014.215	
Công cụ dụng cụ	250.983.775	21.392.119
Cộng	1.924.635.836	816.250.020

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa thiết bị	281.112.995	2.501.849.850
Chi phí lên đà tàu	27.626.526.486	6.940.067.232
Gia cố cont HJN	921.498.012	
Chi phí hệ Alpha Lubricator tàu HAS	3.128.561.097	
Công cụ dụng cụ	425.347.626	34.556.816
Cộng	32.383.046.216	9.476.473.898

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng tài sản
Nguyên giá						
Số đầu năm	199.026.384.869	254.996.349.118	316.995.908.138	75.136.364	-	771.093.778.489
Mua sắm mới		14.342.419.855	10.599.062.969	102.254.546	77.500.000	25.121.237.370
Thanh lý, nhượng bán			(237.717.307)		-	(237.717.307)
Số cuối kỳ	199.026.384.869	269.338.768.973	327.357.253.800	177.390.910	77.500.000	795.977.298.552
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	457.605.455	160.905.076		33.500.000		652.010.531
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	67.985.169.866	91.252.831.603	29.902.153.640	46.222.226		189.186.377.335
Khấu hao trong kỳ	12.863.729.292	27.111.214.962	33.571.929.759	23.885.230	833.333	73.571.592.576
Thanh lý, nhượng bán			(215.077.566)		-	(215.077.566)
Số cuối kỳ	80.848.899.158	118.364.046.565	63.259.005.833	70.107.456	833.333	262.542.892.345
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	131.041.215.003	163.743.517.515	287.093.754.498	28.914.138	-	581.907.401.154
Số cuối kỳ	118.177.485.711	150.974.722.408	264.098.247.967	107.283.454	76.666.667	533.434.406.207

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

Là quyền sử dụng đất có thời hạn

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	4.945.015.236	1.685.073.405	3.259.941.831
Tăng trong kỳ		141.286.152	
Giảm trong kỳ			(141.286.152)
Số cuối kỳ	4.945.015.236	1.826.359.557	3.118.655.679

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển sang chi phí chờ phân bổ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	14.342.419.855	32.557.745.281	(25.121.237.370)		21.778.927.766
Xây dựng cơ bản dở dang	409.090.909	973.960.000	-	-	1.383.050.909
Sửa chữa lớn tài sản cố định	2.750.897.127	32.587.490.195		(35.338.387.322)	-
Cộng	17.502.407.891	66.119.195.476	(25.121.237.370)	(35.338.387.322)	23.161.978.675

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	7.716.103.875	422.949.905
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	300.644.036	227.554.205
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	1.319.184.500	163.935.700
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng		29.700.000
Công ty Cổ phần Transimex	335.114.000	1.760.000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	5.761.161.339	
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	42.510.095.945	33.476.314.764
Công ty Liên doanh Phát triển tiếp vận số 1	9.750.250.908	8.357.137.092
South Horizons International Petroleum (S) Pte Ltd	7.995.319.387	7.634.737.981
Megatop Agency Limited	2.163.109.696	
Công ty CP Hàng Hải Đông Đô	1.005.360.580	
Công ty CP TM và DV Vosco	2.091.868.867	
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Thái Gia An	1.532.606.862	
Các nhà cung cấp khác	17.971.579.645	17.484.439.691
Cộng	50.226.199.820	33.899.264.669

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	26.900.000
Công ty Cổ phần Hải Minh		26.900.000
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	604.561.465	356.706.600

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty TNHH T29		93.417.000
Công ty Cổ phần Hàng Hải Sài Gòn		77.300.000
A.P.Moller-Maersk A/S	319.895.065	
Công ty cổ phần vận tải và tiếp vận Châu Á Thái Bình Dương	54.736.425	
Các khách hàng khác	229.929.975	185.989.600
Cộng	604.561.465	383.606.600

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ		
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT đầu ra		18.448.153.676	27.843.467.940	(6.484.605.032)	2.910.709.232	
Thuế xuất, nhập khẩu		3.155.400	-	-		3.155.400
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.022.241.790		23.382.546.883	(25.815.009.824)	10.589.778.849	
Thuế thu nhập cá nhân	825.720.934		3.237.354.244	(2.552.935.357)	1.510.139.821	
Tiền thuế đất	120.793.027		1.239.771.564	(380.985.291)	979.579.300	
Các loại thuế khác			5.000.000	(5.000.000)	-	
Cộng	13.968.755.751	18.451.309.076	55.708.140.631	(35.238.535.504)	15.990.207.202	3.155.400

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước tàu chạy nước ngoài	0%
Cung cấp nước ngọt	5%
Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Hoạt động khai thác cảng của Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2011 theo Điểm 1.3 Mục III Phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	46.723.235.537	58.682.974.788
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(1.654.677.604)	(2.058.123.615)
- Các khoản điều chỉnh tăng	134.452.287	104.841.977
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.789.129.891)	(2.162.965.592)
Thu nhập chịu thuế	45.068.557.933	56.624.851.173
Thu nhập được miễn thuế		
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	45.068.557.933	56.624.851.173
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Trong đó:		
- Hoạt động khai thác cảng được hưởng ưu đãi	31.396.378.514	27.637.435.530
- Hoạt động khai thác cảng không hưởng ưu đãi	2.922.344.964	8.102.412.288
- Hoạt động khai thác tàu	10.749.834.455	20.885.003.355
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	9.013.711.587	12.457.467.258
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(3.139.637.901)	(5.541.908.188)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(1.569.818.926)	(1.381.871.777)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.304.254.760	5.533.687.293
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	4.304.254.760	5.533.687.293
Thuế TNDN phải nộp hộ các bên hợp tác kinh doanh	2.370.569.045	2.409.461.067
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	6.674.823.805	7.943.148.360

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	342.472.664	386.506.838
Chi phí lãi vay phải trả	214.093.664	386.506.838
Chi phí dịch vụ phải trả	128.379.000	
Cộng	342.472.664	386.506.838

17. Phải trả khác**17a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan về lãi hợp tác kinh doanh</i>	34.141.644.742	24.180.552.772
Công ty Cổ phần Transimex	12.402.714.194	8.313.405.995
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	9.303.663.303	6.236.149.932
Công ty Cổ phần MHC	3.769.643.838	3.555.106.308
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	5.462.402.733	3.972.922.696
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs	3.203.220.674	2.102.967.841
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	516.659.874	313.763.091
Kinh phí công đoàn, đảng phí	37.871.900	1.955.100
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	5.031.724	43.007.991
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	319.200.000	268.800.000
Thù lao HĐQT, BKS	90.000.000	
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	64.556.250	
Cộng	34.658.304.616	24.494.315.863

17b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan về vốn hợp tác kinh doanh</i>	90.604.520.000	90.604.520.000
Công ty Cổ phần Transimex-SaiGon	32.915.900.000	32.915.900.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	24.688.620.000	24.688.620.000
Công ty Cổ phần MHC	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	14.500.000.000	14.500.000.000
Công ty Cổ phần Hàng hải Macs	8.500.000.000	8.500.000.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	-
Cộng	90.604.520.000	90.604.520.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. Vay và nợ thuê tài chính****18a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	542.320.325	542.320.325	1.742.320.325	1.742.320.325
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật hàng Hải (i)	542.320.325	542.320.325	1.742.320.325	1.742.320.325
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác	51.142.425.240	51.142.425.240	46.629.880.069	46.629.880.069
Vay dài hạn đến hạn trả				
Ngân hàng Bảo Việt - Hội sở chính	12.672.186.740	12.672.186.740	12.510.540.270	12.510.540.270
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng	27.321.636.000	27.321.636.000	25.506.264.000	25.506.264.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	7.190.526.460	7.190.526.460	7.117.894.879	7.117.894.879
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch I	3.958.076.040	3.958.076.040	1.495.180.920	1.495.180.920
Cộng	51.684.745.565	51.684.745.565	48.372.200.394	48.372.200.394

- (i) Khoản vay Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải theo hợp đồng số 01/HĐ ngày 05/1/2008 của Công ty Cổ phần Đóng tàu Hải An để phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất theo lãi suất cho vay của ngân hàng tại từng thời điểm, thời hạn vay 01 năm. Sau khi sáp nhập Công ty Cổ phần Đóng tàu Hải An, Công ty kế thừa lại khoản vay này.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Tăng/giảm khác do CLTG	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	1.742.320.325	-	-	(1.200.000.000)	542.320.325
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật hàng Hải (i)	1.742.320.325			(1.200.000.000)	542.320.325
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	46.629.880.069	50.610.754.318	479.846.837	(46.578.055.984)	51.142.425.240
Vay dài hạn đến hạn trả	46.629.880.069	50.610.754.318	479.846.837	(46.578.055.984)	51.142.425.240
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	12.510.540.270	12.417.201.160	141.632.820	(12.397.187.510)	12.672.186.740
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng	25.506.264.000	27.215.148.000	245.717.177	(25.645.493.177)	27.321.636.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	7.117.894.879	7.054.894.878	71.368.422	(7.053.631.719)	7.190.526.460
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch I	1.495.180.920	3.923.510.280	21.128.418	(1.481.743.578)	3.958.076.040
Cộng	48.372.200.394	50.610.754.318	479.846.837	(47.778.055.984)	51.684.745.565

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18b. Vay dài hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn phải trả các bên liên quan				
Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	108.841.311.351	108.841.311.351	142.329.119.846	142.329.119.846
Vay dài hạn ngân hàng				
Ngân hàng Bảo Việt - Hội Sở chính (i)	19.008.439.740	19.008.439.740	31.258.939.150	31.258.939.150
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng (ii)	61.131.916.590	61.131.916.590	83.735.513.960	83.735.513.960
Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - CN Hà Nội (iii)	14.381.052.236	14.381.052.236	21.353.683.961	21.353.683.961
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1	14.319.902.785	14.319.902.785	5.980.982.775	5.980.982.775
Cộng	108.841.311.351	108.841.311.351	142.329.119.846	142.329.119.846

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ			
	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối kỳ				
Ngân hàng Bảo Việt - Hội Sở chính	31.680.626.480	12.672.186.740	19.008.439.740	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng	88.453.552.590	27.321.636.000	61.131.916.590	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - CN Hà Nội	21.571.578.696	7.190.526.460	14.381.052.236	
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1	18.277.978.825	3.958.076.040	14.319.902.785	
Cộng	159.983.736.591	51.142.425.240	108.841.311.351	-
Số đầu năm				
Ngân hàng Bảo Việt - Hội Sở chính	43.769.479.420	12.510.540.270	31.258.939.150	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng	109.241.777.960	25.506.264.000	83.735.513.960	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - CN Hà Nội	28.471.578.840	7.117.894.879	21.353.683.961	
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1	7.476.163.695	1.495.180.920	5.980.982.775	
Cộng	188.958.999.915	46.629.880.069	142.329.119.846	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Tăng/giảm do chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ
Ngân hàng Bảo Việt - Hội Sở chính	31.258.939.150		166.701.750		(12.417.201.160)	19.008.439.740
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng	83.735.513.960	4.500.000.000	393.550.630	(282.000.000)	(27.215.148.000)	61.131.916.590
Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - CN Hà Nội	21.353.683.961		82.263.153		(7.054.894.878)	14.381.052.236
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1	5.980.982.775	12.201.147.000	61.283.290		(3.923.510.280)	14.319.902.785
Cộng	142.329.119.846	16.701.147.000	703.798.823	(282.000.000)	(50.610.754.318)	108.841.311.351

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	5.674.613.213	6.534.000.000	(2.885.070.000)	9.323.543.213
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	5.447.344.434	4.901.000.000	(4.130.000.000)	6.218.344.434
Cộng	11.121.957.647	11.435.000.000	(7.015.070.000)	15.541.887.647

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	231.962.320.000	58.788.380.922	(2.571.030.000)	45.931.070.809	91.202.175.376	425.312.917.107
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	163.361.226.216	163.361.226.216
Trích lập các quỹ	-	-	-	36.791.000.000	(45.375.000.000)	(8.584.000.000)
Chia lợi nhuận hoạt động BCC năm 2014	-	-	-	-	(3.648.587.390)	(3.648.587.390)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(68.817.387.000)	(68.817.387.000)
Số dư cuối năm trước	231.962.320.000	58.788.380.922	(2.571.030.000)	82.722.070.809	136.722.427.202	507.624.168.931
Số dư đầu năm nay	231.962.320.000	58.788.380.922	(2.571.030.000)	82.722.070.809	136.722.427.202	507.624.168.931
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	135.505.035.194	135.505.035.194
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(7.788.034.178)	-	-	(7.788.034.178)
Trích lập các quỹ	-	-	-	49.008.000.000	(60.443.000.000)	(11.435.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(68.817.387.000)	(68.817.387.000)
Số dư cuối kỳ này	231.962.320.000	58.788.380.922	(10.359.064.178)	131.730.070.809	142.967.075.396	555.088.782.941

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.196.232	23.196.232
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	23.196.232	23.196.232
- Cổ phiếu phổ thông	23.196.232	23.196.232
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	456.103	257.103
- Cổ phiếu phổ thông	456.103	257.103
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	22.740.129	22.939.129
- Cổ phiếu phổ thông	22.740.129	22.939.129

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

21a. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	933.445,39	798.560,97
Euro (EUR)	40,54	46,02

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	50.559.667.538	65.015.036.703
Doanh thu hoạt động khai thác tàu	79.193.365.884	54.353.439.351
Cộng	129.753.033.422	119.368.476.054

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	<u>Quý 4 Năm nay</u>	<u>Quý 4 Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu	330.181.821	575.999.997
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs tại Hải Phòng		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu	8.363.636	59.545.454
Công ty Cổ phần Transimex		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu	2.205.818.165	1.763.909.083

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi nhánh Công ty Cổ phần Transimex tại Hà Nội

Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu 70.441.818 203.359.091

Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải

Doanh thu về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác

Công ty Cổ phần Hải Minh

Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu 184.545.459 1.683.181.816

Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An

Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu 5.856.037.318 4.302.028.413

Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức

Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác tàu 4.985.113 100.875.632

Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác cảng 175.216.615 298.492.290

Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng

Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác tàu 950.090.915 275.231.981

Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác cảng 169.328.642 2.038.442.474

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 Năm trước</u>
Giá vốn hoạt động khai thác cảng	16.331.911.888	11.412.615.939
Giá vốn hoạt động khai thác tàu	63.146.381.043	41.861.243.010
Cộng	79.478.292.931	53.273.858.949

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.804.818.431	1.126.255.974
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	45.433.804	40.751.704
Lãi tiền cho vay	201.020.002	199.112.532
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.789.129.891	2.014.830.195
Lãi hoạt động đầu tư chứng khoán	1.000	
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	687.179.522	276.355.469
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-
Cộng	4.527.582.650	3.657.305.874

4. Chi phí tài chính

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	1.040.381.337	1.541.236.313
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	277.785.126	777.765.820
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.425.417.130	164.672.637
Cộng	2.743.583.593	2.483.674.770

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.948.266.775	1.943.134.947
Chi phí vật liệu quản lý	154.781.737	20.690.184
Chi phí đồ dùng văn phòng	51.304.281	45.133.743
Chi phí khấu hao tài sản cố định	234.886.995	165.207.154
Thuế, phí và lệ phí	15.760.000	-
Dự phòng phải thu khó đòi	109.439.639	(439.266.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	541.466.598	520.838.150
Các chi phí khác	2.334.410.082	4.897.935.113
Cộng	<u>5.390.316.107</u>	<u>7.153.673.291</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		(409.090.909)
Tiền bồi thường	32.500.000	139.630.008
Thu nhập khác	8	1.039.221
Cộng	<u>32.500.008</u>	<u>(268.421.680)</u>

7. Chi phí khác

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 Năm trước</u>
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	(409.090.909)
Chi phí bồi thường	(22.312.117)	3.005.300
Thuế bị phạt, bị truy thu		141.284.177
Chi phí khác	29	1.427.979.882
Cộng	<u>(22.312.088)</u>	<u>1.163.178.450</u>

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Lũy kế đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, phụ cấp	2.582.872.355	2.088.182.736
Cộng	2.582.872.355	2.088.182.736

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Cảng Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Vận tải biển Container Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs	Cổ đông, thành viên chủ chốt là thành viên HĐQT của Công ty
Công ty Cổ phần Hải Minh	Cổ đông, thành viên chủ chốt là thành viên HĐQT của Công ty
Công ty Cổ phần Transimex	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	Thành viên chủ chốt là thành viên HĐQT của Công ty
Công ty Cổ phần Hàng Hải Nam Dương	Thành viên chủ chốt là thành viên HĐQT của Công ty

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs		
Trả cổ tức	2.062.500.000	3.093.750.000
Nhận góp vốn liên doanh		3.500.000.000
Phân chia BCC	2.102.967.841	-
Công ty Cổ phần Transimex		
Phân chia BCC	8.313.405.995	1.500.000.000
Trả cổ tức	15.945.410.000	16.968.750.000
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu	525.767.275	22.627.269

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nhận góp vốn liên doanh		12.915.900.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Transimex tại Hà Nội		
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu	-	363.200.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà		
Cho vay	6.000.000.000	10.000.000.000
Thu tiền cho vay	6.000.000.000	10.000.000.000
Trả cổ tức	6.090.000.000	6.090.000.000
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu	1.282.280.000	877.170.000
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác cảng	1.195.772.188	793.936.436
Công ty Cổ Phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải		
Trả gốc vay	1.200.000.000	800.000.000
Trả cổ tức	3.781.203.000	4.381.203.000
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu	32.581.500	375.622.584
Công ty Cổ Phần Hải Minh		
Trả cổ tức	1.260.000.000	1.650.000.000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An		
Phân chia BCC	3.972.922.696	750.000.000
Phải trả về mua nguyên vật liệu		2.316.511.890
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu	25.917.005.611	22.463.407.034
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác cảng	239.235.000	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An		
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu	4.058.101.274	963.246.090
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác cảng	95.327.000	
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức		
Trả cổ tức		200.220.000
Phân chia BCC	6.236.149.932	1.500.000.000
Chi nhánh công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng		
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu	29.700.000	155.500.000
Công ty Cổ phần Hàng Hải Nam Dương		
Trả cổ tức	2.600.640.000	866.880.000

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh phần V.3, V.4, V.5, V.6, V.13, V.14, V.17, V.18.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Lĩnh vực 01: Hoạt động khai thác cảng
- Lĩnh vực 02: Hoạt động khai thác tàu

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Cộng
Lũy kế đến cuối kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	175.269.881.751	242.583.406.876	417.853.288.627
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	175.269.881.751	242.583.406.876	417.853.288.627
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	109.992.167.646	49.779.102.429	159.771.270.075
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(18.007.690.427)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			141.763.579.648
Doanh thu hoạt động tài chính			13.558.405.292
Chi phí tài chính			(5.995.527.630)
Thu nhập khác			1.015.577.943
Chi phí khác			(36.486.047)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(14.800.514.012)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			135.505.035.194
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	34.746.365.867	32.587.490.195	67.333.856.062
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	44.670.566.859	39.842.582.812	84.513.149.671
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)			
Lũy kế đến cuối kỳ trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	231.520.632.607	171.647.062.189	403.167.694.796
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	231.520.632.607	171.647.062.189	403.167.694.796
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	164.893.212.876	34.510.609.082	199.403.821.958
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(16.933.346.500)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			182.470.475.458
Doanh thu hoạt động tài chính			13.155.878.843
Chi phí tài chính			(12.594.632.906)
Thu nhập khác			234.943.021
Chi phí khác			(5.215.846.621)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(14.689.591.579)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			163.361.226.216
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	32.992.233.407	144.166.453.560	177.158.686.967
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	43.013.390.155	23.860.672.441	66.874.062.596

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	341.054.632.456	342.942.450.053	683.997.082.509
Tài sản phân bổ cho bộ phận			-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			243.461.240.195
Tổng tài sản			927.458.322.704
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	23.067.341.792	313.894.773.689	336.962.115.481
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			35.407.424.274
Tổng nợ phải trả			372.369.539.755
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	355.313.795.569	331.769.421.139	687.083.216.708
Tài sản phân bổ cho bộ phận			-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			191.227.635.967
Tổng tài sản			878.310.852.675
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	55.651.790.984	284.817.743.226	340.469.534.210
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			30.217.149.532
Tổng nợ phải trả			370.686.683.742

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Các Sự kiện phát sinh sau kỳ báo cáo

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ báo cáo yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 24 tháng 01 năm 2017

Trần Thị Thanh Hảo
Người lập biểu

Phạm Thị Hồng Nhung
Kế toán trưởng

Tạ Mạnh Cường
Tổng Giám đốc